

Số: 18/2025/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 30 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí
và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương
giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 quy định về nguyên tắc, tiêu
chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn
2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030
tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc,
tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai
đoạn 2026 - 2030 tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí
và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026
- 2030 tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026
và áp dụng từ năm ngân sách 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm
2026:

a) Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định.

b) Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định (lần 4).

c) Nghị quyết số 93/2021/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2025.

d) Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

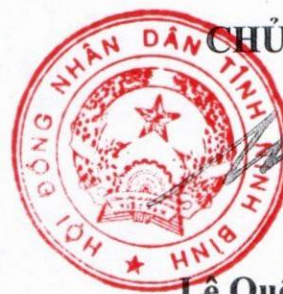
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 



CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính



QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 tỉnh Ninh Bình**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 tỉnh Ninh Bình.

Chương II NỘI DUNG NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030 TỈNH NINH BÌNH

Điều 3. Nguyên tắc chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030

- Phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tăng cường phân cấp, phân quyền, rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các địa phương, xóa bỏ quan liêu bao cấp, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”.
- Phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình khóa I, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh, kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ

tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, các quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, bảo đảm ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án phải bảo đảm theo quy định của Luật Đầu tư công.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh; dự án có quy mô lớn, hạ tầng giao thông chiến lược có tính chất liên vùng, mở rộng không gian, có tác động lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; Các dự án tạo đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Các dự án thực hiện để tăng cường y tế cơ sở, y tế dự phòng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; dự án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đào tạo nhân lực chất lượng cao; dự án thúc đẩy công nghiệp văn hóa, đưa văn hóa trở thành một động lực kinh tế của tỉnh và sức mạnh mềm quốc gia; Các dự án tăng cường phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh, bảo vệ môi trường góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn, xã hội.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các địa phương trong tỉnh.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 như sau:

- a) Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp;
- b) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh, dự án trọng tâm, trọng điểm của tỉnh;
- c) Hoàn trả vốn ứng trước;
- d) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- đ) Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài; bao gồm cả vốn đối ứng, trả nợ gốc khoản vay của ngân sách địa phương;

e) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;

g) Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

h) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

i) Nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công; nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030; Đề án, chương trình, kế hoạch theo ngành, lĩnh vực của Ủy ban nhân dân tỉnh; vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031-2035);

k) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

l) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

m) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

n) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Nguyên tắc, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 tỉnh Ninh Bình

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực, Đề án, chương trình, kế hoạch, đối tượng thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo quyết định đầu tư được duyệt hoặc cam kết đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư. Ưu tiên bố trí vốn cho lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đảm bảo theo quy định; bố trí vốn cho ngành giáo dục đào tạo để đảm bảo tỷ lệ bố trí vốn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó:

a) Ngân sách cấp tỉnh để thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án, đối tượng đầu tư công khác do tỉnh quản lý; bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án và các quy định khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

b) Ngân sách cấp xã để thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án, đối tượng đầu tư công khác do xã quản lý và các quy định khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

2. Đối với vốn đầu tư công ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình

a) Nguồn vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước

Trên cơ sở mức vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước được Thủ tướng Chính phủ giao, thực hiện phân cấp cho xã, phường 30% để phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư thuộc cấp mình quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều này. Mức vốn ngân sách địa phương còn lại do cấp tỉnh quản lý để phân bổ để thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án của tỉnh và hỗ trợ một số địa phương thực hiện dự án *(khi cần thiết)*.

b) Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

Thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình. Sau đó, đối với phần ngân sách cấp tỉnh được hưởng *(sau khi phân cấp về ngân sách Trung ương và ngân sách cấp xã, phường)* thực hiện cân đối tối đa 5% để hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, các xã, phường đấu giá có giá trị thấp hơn mặt bằng chung của tỉnh, hoặc không phát sinh số thu tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước trong năm kế hoạch, để bố trí cho các công trình dự án đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công.

Căn cứ vào tình hình thực tế, dự kiến số thu tiền sử dụng đất và đề xuất nhu cầu phát sinh của các xã, phường trên; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công hàng năm cho các công trình, dự án, nhiệm vụ theo quy định.

c) Nguồn vốn xổ số kiến thiết

Thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình;

d) Nguồn bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để bố trí cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

đ) Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) xây dựng danh mục, mức phân bổ vốn báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép ưu tiên bố trí cho các dự án để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, khối lượng hoàn thành, dự án chuyển tiếp, khởi công mới đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công.

e) Đối với nguồn ngân sách địa phương khác để thực hiện dự án đầu tư công thực hiện phân bổ theo các quy định về sử dụng của từng nguồn vốn.

Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước cho ngân sách cấp xã, phường

1. Tiêu chí phân bổ

Trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, xây dựng 04 nhóm tiêu chí để làm tiêu chí phân bổ, cụ thể như sau:

a) Tiêu chí dân số: Quy mô dân số của các địa phương.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển gồm:

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều;
- Số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết),
- Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã;

c) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên.

d) Tiêu chí bổ sung:

- Tiêu chí xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- Tiêu chí xã thuộc khu vực biên giới biển;
- Tiêu chí xã thuộc vùng an toàn khu;
- Tiêu chí đô thị.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Tiêu chí dân số: Quy mô dân số

Điểm của tiêu chí Quy mô dân số

Quy mô dân số	Điểm
Đến dưới 20.000 người được tính	10
Từ 20.000 người đến dưới 30.000 người được tính	12
Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người được tính	14
Từ 40.000 người đến dưới 70.000 người được tính	16
Từ 70.000 người đến dưới 100.000 người được tính	18
Lớn hơn hoặc bằng 100.000 người được tính	20

Quy mô dân số trung bình của các xã, phường sau thời điểm sáp nhập ngày 01/7/2025.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển gồm: tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã.

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo được tính	1

Tỷ lệ % hộ nghèo xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền trong giai đoạn 2026-2030.

(2) Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết)

Số thu nội địa	Điểm
Xã, phường có số thu nội địa từ 0 đến dưới 10 tỷ đồng	5
Xã, phường có số thu nội địa từ 10 đến dưới 30 tỷ đồng	4
Xã, phường có số thu nội địa từ 30 đến dưới 60 tỷ đồng	3
Xã, phường có số thu nội địa từ 60 đến dưới 100 tỷ đồng	2
Xã, phường có số thu nội địa lớn hơn hoặc bằng 100 tỷ đồng	1

Số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) được xác định căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

(3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã, phường

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Điểm
Xã, phường có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh đến dưới 20% được tính	1
Xã, phường có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh từ 20% đến dưới 40% được tính	2
Xã, phường có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh từ 40% đến dưới 60% được tính	3
Xã, phường có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh từ 60% đến dưới 80% được tính	4

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Điểm
Xã, phường có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh lớn hơn hoặc bằng 80%, được tính	5

Tỷ lệ bổ sung cân đối ngân sách tỉnh được xác định từ ngân sách tỉnh bổ sung cân đối cho ngân sách xã, phường và căn cứ vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025 tại Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

c) Tiêu chí diện tích gồm: diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến dưới 20 Km ² được tính	10
Từ 20 Km ² đến 30 Km ² được tính	15
Lớn hơn hoặc bằng 30 Km ²	20

Số liệu diện tích đất tự nhiên của các xã, phường sau thời điểm sáp nhập ngày 01/7/2025.

d) Tiêu chí bổ sung

(1) Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Điểm
Mỗi xã được tính	5

Đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tính theo các xã hình thành sau khi sáp nhập trong đó có sáp nhập với các xã thuộc Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã Khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

(2) Điểm của tiêu chí xã biên giới biển

Xã thuộc khu vực biên giới biển	Điểm
Mỗi xã được tính	5

Đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực biên giới biển tính theo các xã hình thành sau khi sáp nhập trong đó có sáp nhập với các xã thuộc Nghị định 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(3) Điểm của tiêu chí xã thuộc vùng An toàn khu

Xã thuộc vùng An toàn khu	Điểm
Mỗi xã được tính	5

Đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng An toàn khu tính theo các xã hình thành sau khi sáp nhập trong đó có sáp nhập với các xã theo Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018, Quyết định số 1079/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Bình.

(4) Điểm của tiêu chí đô thị

Tiêu chí đô thị	Điểm
Phường là đô thị loại 3 trở xuống được tính	15
Phường là đô thị loại 2 trở lên được tính (không bao gồm phường Hoa Lư, Nam Định và Phủ Lý)	25
Phường Hoa Lư, Nam Định, Phủ Lý	50

Phân loại đô thị được xác định theo Nghị quyết của cấp có thẩm quyền trong giai đoạn 2026-2030.

3. Phương pháp tính mức vốn xây dựng cơ bản tập trung trong nước cho từng xã, phường

3.1. Căn cứ vào các tiêu chí tại nêu trên để tính ra số điểm của từng xã, phường và tổng số điểm của 129 xã, phường làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương từ nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước cho các xã, phường theo các công thức sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số

Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của xã, phường thứ i là A_i .

b) Điểm của tiêu chí trình độ phát triển

- Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của xã, phường thứ i là B_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xã, phường thứ i là n_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) xã, phường thứ i là p_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách xã, phường thứ i là r_i .

Tổng số điểm của tiêu chí trình độ phát triển xã, phường thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + p_i + r_i$$

c) Điểm của tiêu chí diện tích

Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của xã, phường thứ i là C_i .

d) Điểm của tiêu chí bổ sung: Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới biển, vùng An toàn khu, và tiêu chí đô thị.

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của xã, phường thứ i là D_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của xã thứ i là s_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực biên giới biển của xã thứ i là u_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng An toàn khu của xã thứ i là t_i .

- Gọi số điểm của tiêu chí đô thị của xã, phường thứ i là e_i .

Tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của xã, phường thứ i sẽ là:

$$D_i = s_i + u_i + t_i + e_i$$

e) Tổng điểm của xã, phường thứ i

Gọi tổng số điểm của xã, phường thứ i gọi là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

g) Tổng số điểm của 129 xã, phường là Y , ta có

$$Y = \sum_{i=1}^{129} X_i$$

3.2. Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước phân bổ cho ngân sách xã, phường.

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

3.3. Tổng số vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước bổ sung có mục tiêu cho từng xã, phường được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã, phường thứ i :

$$V_i = Z \times X_i$$
